

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày 09-12-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Sang;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 09- 12- 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST- DS ngày 28 tháng 07 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T1; Địa chỉ: Tầng xxx Tòa nhà S1, số xxx , phường B1, quận xxx, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V1- Chức vụ: Tổng Giám đốc- Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H1- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ KHCN (Giấy ủy quyền số xxx ngày 16- 01- 2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T1); Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại theo Giấy ủy quyền số 1717420 ngày 06- 06- 2020 của bà Trần Thị Thu H1 gồm:

- Bà Trần Thùy P1- Chức vụ: Cán bộ. Vắng mặt.
- Ông Chu Cao T2- Chức vụ: Cán bộ. Vắng mặt.
- Bà Dương Thị S2- Chức vụ: Cán bộ. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S3, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn C1, xã M1, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt- lần thứ hai.

Bà Bùi Hồng L1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn C1, xã M1, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt- lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 06 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn là Ngân hàng T1- Chi nhánh Thái Bình (Sau đây ghi theo tên viết tắt là V1) cho bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn S3, bà Bùi Hồng L1 vay vốn theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 393.HĐTD.044.17 ngày 23- 11- 2017 đã ký giữa hai bên. Nội dung: V1- Chi nhánh Thái Bình cho vợ chồng ông S3, bà L1 vay số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay: 180tháng; lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu kể từ thời điểm giải ngân: 9,29%/1năm360 ngày (quy đổi 1 năm 365 ngày là 9,42%). Hết thời hạn ưu đãi 12 tháng, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 3 tháng 1 lần theo biên độ 4,29%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng đã giao cho ông S3, bà L1 vay số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của ông S3 mở tại V1; bên vay đã ký nhận theo “*Khế ước nhận nợ*” số 393.01.KUNN1.044.17 ngày 24- 11- 2017.

Về tài sản thế chấp: Ngày 23- 11- 2017, nguyên đơn đã ký với bị đơn (ông S3 bà L1) “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*” số 393.01.HĐTC1.044.17; được đăng ký thế chấp cùng ngày 23- 11- 2017. Bên thế chấp (Bên B) là vợ chồng ông S3, bà L1 đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông bà là Quyền sử dụng 175,1m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xxx tại thôn C1, xã M1, huyện T3, tỉnh Thái Bình để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của của bên B (ông S3, bà L1) gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, tiền phạt và các khoản phải trả khác quy định trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 393.HĐTD.044.17 ngày 23- 11- 2017 (bao gồm cả các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng ký giữa hai bên trong thời gian từ ngày 23- 11- 2017 đến ngày 31- 12- 2027). Thửa đất số xxx nêu trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” số CK xxx ngày 16- 11- 2017, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn S3, bà Bùi Hồng L1.

Quá trình trả nợ: Từ ngày 25- 12- 2017 đến nay, bị đơn đã nguyên đơn số tiền 70.722.522đồng trong đó đã trả nợ gốc: 28.490.000đồng, lãi trong hạn: 42.226.444đồng; lãi quá hạn (lãi phạt): 6.078đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09- 12- 2020), bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số 335.673.813đồng, trong đó: Nợ gốc: 271.510.000đồng, nợ lãi trong hạn: 54.825.973đồng, nợ lãi quá hạn (lãi phạt): 9.337.840đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện:

-Yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông S3, bà L1 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09- 12- 2020) là 335.673.813đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm mười ba đồng) gồm nợ gốc: 271.510.000đồng; nợ lãi trong hạn: 54.825.973đồng; nợ lãi quá hạn 9.337.840đồng.

-Yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn phát sinh cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với V1 và theo quy định của pháp luật cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

-Trong trường hợp bị đơn là ông S3, bà L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng T1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 800395, thửa đất số xxx tờ bản đồ số xxx, diện tích 175.1m²; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02766 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/11/2017 cho ông S3 và bà L1. Các vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp, tài sản hay tiền đền bù, bồi thường của cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba bất kỳ; toàn bộ giá trị tăng thêm của việc xây dựng mới, tạo lập thêm tài sản khác gắn liền trên đất, giá trị phân sửa chữa, nâng cấp tài sản trên thửa đất đều thuộc tài sản thế chấp.

-Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ông S3 và bà L1 phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng T1.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07- 10- 2020 xác định: Tài sản mà ông S3, bà L1 dùng làm tài sản thế chấp không biến đổi so với thời điểm thế chấp. Cụ thể: Tài sản theo “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” số 393.HĐTC1.044.17 gồm thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xxx, diện tích 175,1m² tại thôn C1, xã M1, huyện T3, tỉnh Thái Bình và tài sản trên đất. Các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở cấp IV, lợp mái tôn, một bên tường xây, một bên tường phía Bắc gá mái tôn, bần mái, diện tích sàn 54,4m²; 02 trụ cổng ốp đá rộng 0,5m x 0,5m, cao 2,4m; 02 cánh cổng bằng tuyp sắt dài 2,95m x 2,2m; sân xi măng trước nhà diện tích sân 48,9m², phần mái tôn có diện tích 48,9m²; đoạn tường vây từ trụ cổng đến phần nhà ở dài 9,7m x cao 1,6m x xây 110 trát gia hai mặt; đoạn thứ hai dài 11,76m cao 1,6m, tường xây 110, không trát gia; trên phần đất vườn có các loại cây tạp (hòe, na).

Sau khi thụ lý, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông S3, bà L1 nhưng ông bà đều không đến Tòa án làm việc. Do bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện.

Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ Điều 463, 466, 468, Điều 317, 320, 323 Bộ luật Dân sự 2015; Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T1, buộc ông S3, bà L1 phải thanh

toán cho Ngân hàng số nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD.044.17 ngày 23- 11- 2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng là: 335.673.813đồng (bao gồm nợ gốc: 271.510.000đồng; nợ lãi trong hạn: 54.825.973đồng; nợ lãi quá hạn 9.337.840đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Nếu bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thời gian trên, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 800395, thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xxx, diện tích 175.1m2 mang tên ông S3 và bà L1). Trường hợp số tiền thu được không đủ trả nợ thì ông S3 và bà L1 tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn. Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Khoản 1 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa làm việc, không có ý kiến gửi về Tòa án, cũng không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn và Tòa án. Như vậy, xác định bị đơn cố tình vắng mặt. Do bị đơn vắng mặt nên không có bản tự khai; vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về hợp đồng cho vay: Việc bị đơn vay vốn của nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên là có thật. Tổng số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 300.000.000đồng. Thể hiện tại: Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, khế ước nhận nợ của bị đơn; Các văn bản là các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng đã ký giữa hai bên trong thời gian từ ngày 23- 11- 2017 đến ngày 31- 12- 2027; các tài liệu về việc bị đơn đã trả nợ gốc, trả nợ lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09- 12- 2020), bị đơn đã trả nguyên đơn: 28.490.000đồng nợ gốc, còn nợ gốc 271.510.000đồng; đã trả 42.226.444đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 54.825.973đồng; đã trả 6.078đồng nợ lãi quá hạn, còn nợ 9.337.840đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 335.673.813đồng gồm nợ gốc: 271.510.000đồng; nợ lãi trong hạn: 54.825.973đồng; nợ lãi quá hạn: 9.337.840đồng. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với “Hợp đồng tín dụng” số 393.HĐTD.044.17 ngày 23- 11- 2017 và các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng ký giữa hai bên. Cần áp dụng Điều 463;

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị đơn trả nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi trên.

[3]. Về tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

Nguyên đơn và bị đơn đã ký “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*” số 393.01.HĐTC1.044.17 trong đó: Vợ chồng ông S3, bà L1 đồng ý thế chấp tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông bà là Quyền sử dụng 175,1m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xxx, tại thôn C1, xã M1, huyện T3, tỉnh Thái Bình để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của của bên B gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, tiền phạt và các khoản phải trả khác quy định trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 393.HĐTD.044.17 ngày 23- 11- 2017 (bao gồm cả các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng ký giữa hai bên trong thời gian từ ngày 23- 11- 2017 đến ngày 31- 12- 2027). Khi thế chấp, ông S3 bà L1 đã giao bản chính “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” số CK 800935 ngày 16- 11- 2017, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn S3, bà Bùi Hồng L1 cho nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ việc ký kết này là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, trong trường hợp bị đơn không thanh toán số nợ gốc, lãi thì cần xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí: -Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 335.673.813đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là 16.783.000đồng (= 335.673.813 đồng x 5%).

-Trả lại nguyên đơn số tiền 7.792.000đồng tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 318; Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1). Tuyên xử: -Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn S3, sinh năm 1992 và bà Bùi Hồng L1, sinh năm 1992 đều có địa chỉ: **Thôn** C1, xã M1, huyện T3, tỉnh Thái Bình phải trả cho

nguyên đơn là Ngân hàng T1 số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09- 12- 2020 gồm: Nợ gốc: 271.510.000đồng; nợ lãi trong hạn: 54.825.973đồng; nợ lãi quá hạn: 9.337.840đồng; tổng là: 335.673.813đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm mười ba đồng).

2). Về việc trả lãi sau khi xét xử: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vụ án, bị đơn là ông S3 và bà L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng*” 393.HĐTD.044.17 ngày 23- 11- 2017 (bao gồm cả các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng ký giữa hai bên trong thời gian từ ngày 23- 11- 2017 đến ngày 31- 12- 2027) và “*Khế ước nhận nợ*” số 393.01.KUNN1.044.17 ngày 24- 11- 2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3). Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông S3 và bà L1 không thanh toán xong nợ thì Ngân hàng T1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*” số 393.01.HĐTC1.044.17 ngày 23- 11- 2017; được Văn phòng công chứng Đặng Ngọc Q1 chứng nhận số 1555 ngày 23- 11- 2017.

3.2). Tài sản thế chấp gồm:

(1). Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số xxx, tờ bản đồ số xxx, diện tích 175,1m² tại thôn C1, xã M1, huyện T3, tỉnh Thái Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” số CK 800935 ngày 16- 11- 2017, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn S3, bà Bùi Hồng L1.

(2). Toàn bộ tài sản trên thửa đất số xxx nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp và gồm có: Quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất, các vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp, tài sản hay tiền đền bù, bồi thường của cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba bất kỳ; toàn bộ giá trị tăng thêm của việc xây dựng mới, tạo lập thêm tài sản khác gắn liền trên thửa đất, giá trị phần sửa chữa, nâng cấp tài sản trên thửa đất.

4.-Trường hợp giá trị tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T1 phải thanh toán giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn S3, bà Bùi Thị L1.

-Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn S3 và bà Bùi Thị L1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T1.

5.Về án phí: -Bị đơn là ông Nguyễn Văn S3, bà Bùi Hồng L1 phải chịu 16.783.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Trả lại nguyên đơn số tiền 7.792.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002323 ngày 28- 07- 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

6.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tòng